

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 và Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết 33/2016/NQ-HĐND ngày 28/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2021 ban hành kèm theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“1. Mục tiêu

Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp, khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về đất đai, để đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, tạo sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Phấn đấu đến năm 2021 có: Trên 29.000 ha lúa gieo cấy; trên 8.000 ha cây chè; trên 7.000 ha cây quế; trên 2.000 ha cây sơn tra; trên 6.300 ha cây ăn quả; 4.000 ha cây mắc ca”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1) Giống lúa thuần (tiêu chuẩn xác nhận)

a) Các xã biên giới, các xã đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 70% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.

b) Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 50% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.”

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2) Giống ngô lai

a) Các xã biên giới, các xã đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ 70% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.

b) Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 50% giá giống đối với 100% diện tích gieo trồng theo đăng ký.”

c) Bổ sung khoản 3 như sau:

“đ) Hỗ trợ phát triển và bảo tồn cây chè cổ thụ

- Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới và cây trồng dặm, cây giống từ 03 năm tuổi trở lên, mật độ quy đổi 2.000 cây/ha.

- Hỗ trợ 01 lần 100% phân bón lót theo quy trình.

- Hỗ trợ công làm đất, xử lý thực bì, trồng năm thứ nhất: 08 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ công trồng dặm, chăm sóc, bảo vệ năm thứ 2, 3: 3,5 triệu đồng/ha/năm.”

d) Sửa đổi khoản 6 như sau:

“6) Hỗ trợ phát triển cây ăn quả tập trung và cải tạo vườn tạp

a) Các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới: Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống trồng mới và 100% phân bón lót (phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp) theo quy trình”.

b) Các xã, phường, thị trấn còn lại: Hỗ trợ 01 lần 70% giá giống trồng mới; 100% phân bón lót (phân vô cơ hoặc phân vi sinh tổng hợp) theo quy trình”

đ) Sửa đổi khoản 7 như sau:

“7) Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi (trâu, bò, ngựa) và cải tạo đàn gia súc

a) Hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi đàn gia súc

- Hỗ trợ hộ gia đình làm chuồng: 2 triệu đồng/hộ.
- Hỗ trợ chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi tập trung (định mức 4-6 m²/con).

+ Quy mô 5-10 con/chuồng: Mức hỗ trợ 2 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 11-20 con/chuồng: Mức hỗ trợ 3 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 21 - 30 con/chuồng: Mức hỗ trợ 3,5 triệu đồng/con.

+ Quy mô từ 31 con trở lên/chuồng: Mức hỗ trợ 4 triệu đồng/con.

Mức hỗ trợ tối đa 500 triệu/đối tượng hỗ trợ.

- Hỗ trợ 01 lần kinh phí mua giống cỏ: 3.000 đồng/m²; tối đa 500m²/hộ”

b) Hỗ trợ cải tạo đàn gia súc

- Hỗ trợ bò đực giống và trâu đực giống:

+ Đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất kinh doanh giống gia súc và chăn nuôi gia súc.

+ Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 40 con đực giống (trâu, bò). Hỗ trợ một lần giá trị con giống: Mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/con đối với bò đực giống từ 18 tháng tuổi trở; tối đa 50 triệu đồng/con đối với trâu đực giống từ 24 tháng tuổi trở lên.

- Hỗ trợ chi phí thụ tinh nhân tạo: Hỗ trợ 100% kinh phí vật tư phối giống nhân tạo (tinh đông lạnh và Nitơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản, công) cho các hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò. Mức hỗ trợ không quá 2 liều tinh/năm”.

e) Sửa đổi khoản 9 như sau:

“9) Hỗ trợ vôi cải tạo đất ruộng:

Hỗ trợ 70% giá vôi theo chu kỳ 03 năm/lần/điện tích canh tác.”

f) Bổ sung khoản 11 như sau:

“11) Hỗ trợ nuôi tôm, cá lồng

Hỗ trợ 01 lần 50% kinh phí/m³ lồng, tối đa 300 triệu đồng/đối tượng hỗ trợ”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

a) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2) Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển cây chè, quế, sơn tra và cây ăn quả: Đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất trồng, đăng ký và cam kết với Ủy

ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp huyện; đảm bảo thực hiện quy trình kỹ thuật theo đề án, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Riêng đối với nội dung hỗ trợ cây ăn quả chỉ hỗ trợ các loại cây ăn quả được xác định là sản phẩm chủ lực của huyện, tỉnh: Đối với diện tích hỗ trợ tập trung có quy mô từ 50 ha trở lên Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đối với diện tích có quy mô dưới 50 ha và cải tạo vườn tạp giao Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt.”

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3) Đối với nội dung hỗ trợ chuyển đổi phương thức chăn nuôi và cải tạo đàn gia súc:

- Đối tượng được hỗ trợ, đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập phương án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt; đảm bảo thực hiện tiêu chuẩn kỹ thuật theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Sử dụng loại tinh theo yêu cầu của địa phương, có nhãn mác rõ ràng và tiêu chuẩn chất lượng phù hợp hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Mua loại giống phù hợp yêu cầu của địa phương; có nguồn gốc từ các cơ sở sản xuất giống vật nuôi, có lý lịch rõ ràng đối với trâu và bò; có tiêu chuẩn chất lượng phù hợp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

c) Bổ sung khoản 7 như sau:

“7) Đối với hỗ trợ nuôi tôm, cá lồng: Đối tượng được hỗ trợ đăng ký và cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nuôi các loài cá đặc sản, cá có hiệu quả kinh tế cao như: cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Nheo, tôm...; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập dự án trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt; đảm bảo thực hiện quy trình theo dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“Sửa đổi điểm c

c) Hướng dẫn về chủng loại giống, cơ cấu các loại giống, quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc các loại cây trồng, vật nuôi thuộc các nội dung hỗ trợ chính sách này và quy trình kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo thực hiện chính sách thiết thực, hiệu quả. Chịu trách nhiệm thẩm định về nội dung, định mức kỹ thuật thực hiện chính sách hỗ trợ”.

“Bổ sung điểm đ

đ) Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y làm đầu mối hướng dẫn, kiểm tra chất lượng tinh gia súc và con giống vật nuôi, bình chứa Nitơ lỏng; phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn phối giống nhân tạo gia súc; Phối hợp UBND cấp huyện,

thành phố (Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp) hướng dẫn người dân lựa chọn con giống có chất lượng, phù hợp với nhu cầu thị trường và lựa chọn Công ty cung ứng (tinh gia súc, con giống) đủ điều kiện theo quy định về sản xuất hoặc cung ứng con giống”.

b) Bổ sung điểm e, khoản 4, Điều 10 như sau:

“e) Đối với nội dung hỗ trợ cải tạo đàn gia súc:

Tiến hành rà soát tổng đàn trâu, đàn bò hiện có. Tổng hợp nhu cầu trâu đực giống, bò đực giống (trong đó ưu tiên hỗ trợ trâu đực, bò đực những nơi chăn nuôi tập trung, nơi có điều kiện) gửi Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch, vốn hàng năm.

Trên cơ sở kế hoạch được phân bổ. Giao Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố:

- Tiến hành lựa chọn đơn vị đủ điều kiện cung cấp con giống trâu đực giống, bò đực giống đảm bảo tiêu chuẩn và đảm bảo các thủ tục theo đúng quy định.

- Tổ chức ký cam kết với các hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất kinh doanh giống gia súc và chăn nuôi gia súc. Trong đó ưu tiên hỗ trợ trâu đực, bò đực ở những nơi có đàn gia súc lớn, chăn nuôi tập trung, nơi có điều kiện về chăn nuôi; gắn trách nhiệm của đối tượng được hỗ trợ theo hướng:

+ Chăn nuôi đảm bảo vệ sinh phòng dịch, bảo vệ môi trường.

+ Cam kết chăm sóc nuôi dưỡng và khai thác con trâu, bò đực giống. Trường hợp ốm, chết, loại thải phải báo cáo cơ quan chuyên môn cấp huyện kiểm tra, xác minh làm rõ nguyên nhân. Trường hợp không có nhu cầu quản lý khai thác phải báo cáo để cơ quan chuyên môn cấp huyện kiểm tra, nhận bàn giao để chuyển cho đối tượng khác có nhu cầu.

+ Thực hiện các quy định và hướng dẫn của địa phương để được hưởng chính sách hỗ trợ.

+ Sử dụng con trâu, bò cái đủ tiêu chuẩn để phối giống.

(Giao Sở Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn, thống nhất để các huyện, thành phố cụ thể hoá cam kết, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với đối tượng được quản lý khai thác)

- Công khai danh sách các đối tượng được hưởng hỗ trợ đến từng xã, thôn; thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách tại địa phương”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2020. Các nội dung khác không sửa đổi bổ sung tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp & PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, chuyên viên các khối;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

